

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HS-ST
Ngày: 19-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Huỳnh Văn Q (tên gọi khác là K), sinh năm 1987, tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Ấp Ấp B3, xã P, thị xã B2, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn P1, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị U, không rõ năm sinh; bị cáo có vợ tên Huỳnh Thị L1, sinh năm 1980, bị cáo có 01 con sinh năm 2019; tiền án: Ngày 11/7/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo bản án số 127/2012/HSST; tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 10/01/2006, bị Tòa án nhân dân huyện Bến Cát xử phạt 14 tháng tù về tội trộm cắp tài sản và 26 tháng tù về tội hủy hoại tài sản, tổng hợp hình phạt là 03 năm 04 tháng tù theo bản án số 04/2006/HSST. Ngày 21/9/2009, bị Tòa án nhân dân thị xã Thủ Dầu Một xử phạt 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo bản án số 151/2009/HSST. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/3/2020 cho đến nay. Có mặt.

- Bị hại:

+ Ông Lành Văn D, sinh năm 1999. Hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã Y1, huyện E, tỉnh Đăklắk. Xin vắng mặt.

+ Ông Ngô Văn T, sinh năm 1997. Hộ khẩu thường trú: Thôn T1, xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Văn Q và Trần Văn T1, cùng thường trú tại xã P, thị xã B2, tỉnh Bình Dương nên quen biết và chơi với nhau.

Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 23/3/2020, Trần Văn T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Super Cup 50, không rõ biển số chở Huỳnh Văn Q đi từ xã P, thị xã B2 đến ấp B, xã T2, huyện Dầu Tiếng tìm tài sản để trộm cắp.

Khi đến dãy nhà trọ “X”, thuộc khu vực ấp B, xã T2, huyện Dầu Tiếng, T1 và Q phát hiện phòng trọ VIP 50, dãy thứ năm của Ngô Văn T, sinh năm 1997, thường trú tại thôn T1, xã E1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và Lành Văn D, sinh năm 1999, xã Y1, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, không khóa cửa, T1 dừng xe cách phòng trọ khoảng 20m, đứng bên ngoài canh giới, Q lén lút đi vào bên trong phòng trọ tìm tài sản để trộm cắp. Lúc này, trong phòng trọ, Lành Văn D và người bạn tên Lưu Văn Chung, sinh năm 1991, thường trú tại , xã Y1, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đang ngủ trên giường, T ngủ trên gác xép. Khi vào trong phòng trọ, Q lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi 8 lite của D để ở cuối giường, đồng thời đẩy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter, màu sơn: Xanh – đen, biển số 47M1-771.50, trên ổ khóa cắm sẵn chìa khóa của T ra ngoài. Q đưa tài sản vừa trộm được (điện thoại và xe máy) cho T1. T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter vừa trộm được, Q điều khiển xe mô tô Super cup 50, cả hai về nhà của T1. Do Q điều khiển xe mô tô Cup 50 nên đi sau T1, khi tới nhà T1, Q thấy nhà T1 khóa cửa, nên Q để xe Super Cup 50 của T1 lại trước nhà T1 rồi đi bộ về nhà ngủ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã khám xét nơi ở của Trần Văn T1 tại ấp A1, xã P, thị xã B2, tỉnh Bình Dương, phát hiện và thu giữ tại nơi ở của T1 03 biển số xe mô tô gồm biển số 47M1-771.50 là biển số xe mô tô bị trộm cắp của bị hại Ngô Văn T; biển số 61N6-7766 và biển số 93P2-417.26 và 06 ba ga các loại của xe mô tô. Khám xét nơi ở của Huỳnh Văn Q, ở ấp B3, xã P, thị xã B2, tỉnh Bình Dương, thu giữ 01 áo khoác bằng vải màu tím hiệu ADIDAS. Huỳnh Văn Q giao nộp 01 quần jeans lưng màu xanh, ở lưng quần có may miếng da hình chữ nhật màu vàng, trên miếng da có chữ JEANS; 01 đôi dép lười màu vàng; 01 áo thun ngắn tay màu trắng.

Bản kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐG ngày 27/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Dầu Tiếng xác định:

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu xanh – đen, biển số 47M1-671.50, số máy G3D4E861142, số khung 1010KY094712, đăng ký lần đầu ngày 24/01/2019 (xe đã qua sử dụng) có giá vào ngày 23/3/2020 là 29.000.000 đồng;

+ 01 (một) điện thoại di động Xiaomi 8 Lite màu đen (đã qua sử dụng) mua tháng 01/2019 có giá vào ngày 23/3/2020 là 1.800.000 đồng.

Tổng tài sản mà Trần Văn T1 và Huỳnh Văn Q trộm cắp của ông Ngô Văn T và Lành Văn D có giá là 30.800.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 44/CT-VKSĐT-HS ngày 06 tháng 7 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng đã truy tố bị cáo Huỳnh Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Q từ 16 tháng đến 18 tháng tù;

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự.

Bị hại Ngô Minh T yêu cầu Huỳnh Văn Q và Trần Văn T1 bồi thường giá trị xe mô tô bị mất với số tiền 40.000.000 đồng, bị hại Lành Văn D, yêu cầu bồi thường giá trị điện thoại bị mất là 4.000.000 đồng. Bị cáo Q đồng ý bồi thường một nửa số tiền mà T và D yêu cầu. Đối với yêu cầu bồi thường dân sự của bị hại T và D, do chưa bắt được Trần Văn T1, nên đề nghị buộc Q bồi thường giá trị thiệt hại tài sản theo kết luận định giá tài sản với tổng số tiền là 30.800.000 đồng, trong đó bồi thường cho Ngô Minh T số tiền 29.000.000 đồng; bồi thường cho Lành Văn D số tiền 1.800.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng:

Sau khi xảy ra vụ án, Trần Văn T1 đã đi khỏi nơi cư trú, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Lệnh bắt bị can để tạm giam, ra Quyết định truy nã đối với Trần Văn T1 để phục vụ công tác điều tra. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa bắt được T1. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định tạm đình điều tra bị can đối với T1, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với biển số 47M1-771.50, thu giữ tại nhà Trần Văn T1, xác định biển số xe này là của bị hại Ngô Văn T, đề nghị trả lại cho bị hại T.

Đối với biển số 93P2-417.26, quá trình điều tra xác định là của xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner, màu sơn cam đen trắng, số máy KC 26E1226879, số khung RLHKC2605GY380435 do bà Mai Thị Y, sinh năm 2000, thường trú tổ 11, ấp Đ, xã T3, huyện H, Bình Phước, tạm trú tại Ô 110, B29, khu dân cư 5B, đường N5, khu phố B1, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương đứng tên chủ sở hữu. Quá trình xác minh, bà Mai Thị Y khai nhận xe mô tô này bị mất trộm vào khoảng 02 giờ ngày 24/5/2020 ở địa chỉ Ô 110, B29, khu dân cư 5B, đường N5, khu phố B1, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Nhận thấy, vụ mất trộm tài sản của bà Mai Thị Y xảy ra trên địa bàn huyện B nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã ban hành công văn thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng. Đối với biển số 93P2-

417.26, xét thấy, biển số này không liên quan đến vụ án nên đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng để làm căn cứ xử lý theo quy định.

Đối với biển số 61N6-7766, quá trình điều tra xác định biển số này được cấp cho chủ xe Lê Minh H1, địa chỉ D2, Ô 52, đường G, phường F, Thủ Dầu Một. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh, tuy nhiên không có người tên Lê Minh H1 cư trú tại địa chỉ trên. Xét thấy, biển số này không liên quan đến vụ án nên đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng tiếp tục tạm giữ để điều tra, xác minh.

Đối với 06 ba ga các loại của xe mô tô tạm giữ khi khám xét nhà Trần Văn T1 do chưa bắt được bị can T1 nên không có căn cứ xử lý đối với 06 ba ga này. Xét thấy, 06 ba ga này không liên quan đến vụ án nên đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng tiếp tục tạm giữ để điều tra, xác minh.

Đối với 01 quần jeans lưng màu xanh, ở lưng quần có may miếng da hình chữ nhật màu vàng, trên miếng da có chữ JEANS; 01 đôi dép lười màu vàng; 01 áo thun ngắn tay màu trắng; 01 áo khoác bằng vải, màu tím hiệu ADIDAS, thu giữ của Huỳnh Văn Q, xác định đây là đồ dùng cá nhân của Q, bị can Q không sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tuyên trả cho Q.

Đối với 01 USB màu trắng, nhãn hiệu Toshiba, loại 16GB có chứa dữ liệu Camera (gồm 02 đoạn video) được trích xuất từ hệ thống Camera an ninh của Công an xã P, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng sau khi trưng cầu giám định trích xuất hình ảnh, dữ liệu lưu trong USB, đã giao trả lại cho Công an xã P nên không xem xét xử lý.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Huỳnh Văn Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu. Bị cáo không tranh luận gì về tội danh, điều khoản truy tố mà đại diện Viện kiểm sát đưa ra. Lời nói sau cùng: Bị cáo không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, Kiểm sát viên, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị hại Ngô Văn T và Lành Văn D. Xét thấy, ông T và ông D đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, sự vắng mặt của ông T và ông D không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và ông D theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời khai của bị cáo Huỳnh Văn Q tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, các lời khai thống nhất với nhau về quá trình thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại, kết luận giám định và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên có căn cứ kết luận: Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 23/3/2020, tại phòng trọ VIP 50, dãy thứ năm thuộc nhà trọ “X”, ở khu vực ấp B, xã T2, huyện Dầu Tiếng, Trần Văn T1 và Huỳnh Văn Q đã trộm cắp một xe mô tô của Ngô Văn T và một điện thoại di động của Lành Văn D.

[4] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong việc trông coi tài sản, lén lút trộm cắp tài sản của bị hại mục đích là để bán lấy tiền tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân của bị cáo. Hậu quả bị cáo đã cùng Trần Văn T1 trộm cắp của bị hại một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exiter, màu xanh – đen, biển số 47M1-671.50, số máy G3D4E861142, số khung 1010KY094712 của Ngô Văn T trị giá 29.000.000 đồng và một điện thoại di động Xiaomi 8 Lite màu đen của Lành Văn D trị giá 1.800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị trộm cắp là 30.800.000 đồng.

[5] Hành vi của bị cáo Q là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng số 44/CT-VKSDT-HS ngày 06/7/2020 cũng như phần luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng đã truy tố bị cáo Huỳnh Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó, cả bị cáo và Trần Văn T1 đều có vai trò thực hành tích cực, cùng tham gia trộm cắp tài sản rồi giao tài sản cho T1 đi tiêu thụ.

[7] Bị cáo Q có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như: Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo đang có con nhỏ. Hội đồng xét xử cân nhắc giảm một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

[8] Bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 18 tháng 16 ngày tù về tội trộm cắp tài sản theo bản án số 127/2012/HSST ngày 11/7/2012, chưa thực hiện xong nghĩa vụ nộp các khoản

tiền theo bản án đã tuyên thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[9] Sau khi xem xét đầy đủ các yếu tố cấu thành tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, thấy rằng, bị cáo có nhân thân xấu, tình tiết tăng nặng tái phạm nên cần thiết phải xử phạt hình phạt tù giam mới đủ sức răn đe đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Ngô Minh T yêu cầu Huỳnh Văn Q và Trần Văn T1 bồi thường giá trị xe mô tô bị mất với số tiền 40.000.000 đồng, bị hại Lành Văn D, yêu cầu bồi thường giá trị điện thoại bị mất là 4.000.000 đồng. Bị cáo Q đồng ý bồi thường một nửa số tiền mà T và D yêu cầu. Đối với yêu cầu bồi thường dân sự của bị hại T và D, do chưa bắt được Trần Văn T1 nên chỉ có cơ sở buộc Q bồi thường cho bị hại giá trị thiệt hại tài sản theo kết luận định giá tài sản với tổng số tiền là 30.800.000 đồng, trong đó bồi thường cho Ngô Minh T số tiền 29.000.000 đồng; bồi thường cho Lành Văn D số tiền 1.800.000 đồng.

[11] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Sau khi xảy ra vụ án, Trần Văn T1 đã đi khỏi nơi cư trú, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Lệnh bắt bị can để tạm giam, ra Quyết định truy nã đối với Trần Văn T1 để phục vụ công tác điều tra. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa bắt được T1. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định tạm đình điều tra bị can đối với T1, khi nào bắt được sẽ xử lý sau là phù hợp.

Đối với biển số 47M1-771.50, thu giữ tại nhà Trần Văn T1, xác định biển số xe này là của bị hại Ngô Văn T, nên trả lại cho bị hại T là phù hợp.

Đối với biển số 93P2-417.26, quá trình điều tra xác định là của xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner, màu sơn cam đen trắng, số máy KC 26E1226879, số khung RLHKC2605GY380435 do bà Mai Thị Y, sinh năm 2000, thường trú tổ 11, ấp Đ, xã T3, huyện H, Bình Phước, tạm trú tại Ô 110, B29, khu dân cư 5B, đường N5, khu phố B1, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương đứng tên chủ sở hữu. Quá trình xác minh, bà Mai Thị Y khai nhận xe mô tô này bị mất trộm vào khoảng 02 giờ ngày 24/5/2020 ở địa chỉ Ô 110, B29, khu dân cư 5B, đường N5, khu phố B1, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Nhận thấy, vụ mất trộm tài sản của bà Mai Thị Y xảy ra trên địa bàn huyện B nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã ban hành công văn thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng. Biển số 93P2-417.26 không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng để làm căn cứ xử lý theo quy định là phù hợp.

Đối với biển số 61N6-7766, quá trình điều tra xác định biển số này được cấp cho chủ xe Lê Minh H1, địa chỉ D2, Ô 52, đường G, phường F, Thủ Dầu Một. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh, tuy nhiên không có người tên Lê Minh H1 cư trú tại địa chỉ trên. Xét thấy, biển số này không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng tiếp tục tạm giữ để điều tra, xác minh là phù hợp.

Đối với 06 ba ga các loại của xe mô tô tạm giữ khi khám xét nhà Trần Văn T1 do chưa bắt được bị can T1 nên không có căn cứ xử lý đối với 06 ba ga này. Xét thấy, 06 ba ga này không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng tiếp tục tạm giữ để điều tra, xác minh là phù hợp.

Đối với 01 quần jeans lưng màu xanh, ở lưng quần có may miếng da hình chữ nhật màu vàng, trên miếng da có chữ JEANS; 01 đôi dép lười màu vàng; 01 áo thun ngắn tay màu trắng; 01 áo khoác bằng vải, màu tím hiệu ADIDAS, thu giữ của Huỳnh Văn Q, xác định đây là đồ dùng cá nhân của Q, bị can Q không sử dụng vào việc phạm tội nên trả cho Q.

Đối với 01 USB màu trắng, nhãn hiệu Toshiba, loại 16GB có chứa dữ liệu Camera (gồm 02 đoạn video) được trích xuất từ hệ thống Camera an ninh của Công an xã P, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng sau khi trưng cầu giám định trích xuất hình ảnh, dữ liệu lưu trong USB, đã giao trả lại cho Công an xã P nên không xem xét xử lý.

[12] Xét ý kiến luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo về phần tội danh, điều khoản áp dụng và mức hình phạt là có căn cứ phù hợp với các tình tiết của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn Q (tên gọi khác là K) phạm tội “trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Q (tên gọi khác là K) 16 (mười sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/3/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 587, 588, 589 của Bộ luật Dân sự:

Buộc Huỳnh Văn Q phải bồi thường cho bị hại Lành Văn D số tiền 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm ngàn đồng).

Buộc Huỳnh Văn Q phải bồi thường cho bị hại Ngô Văn T số tiền 29.000.000 đồng (hai mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị hại Ngô Văn T biển số 47M1-771.50.

Trả lại cho Huỳnh Văn Q 01 (một) quần jeans lửng màu xanh, ở lưng quần có may miếng da hình chữ nhật màu vàng, trên miếng da có chữ JEANS; 01 (một) đôi dép lười màu vàng; 01 (một) áo thun ngắn tay màu trắng; 01 (một) áo khoác bằng vải, màu tím hiệu ADIDAS.

4. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Huỳnh Văn Q phải chịu số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Huỳnh Văn Q phải chịu số tiền 1.540.000 đồng (một triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/8/2020).

Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Công an huyện Dầu Tiếng;
- CC THADS huyện Dầu Tiếng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Tuyền